

Bản án số: 162/2017/HSST  
Ngày 29 tháng 9 năm 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

Thẩm phán: Bà Tông Thị Hiền

Hội thẩm nhân dân: Ông Sa Văn Khuyên, bà Lèo Thị Chan, ông Cầm Văn Chinh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 157/2017/HSST ngày 13/9/2017 đối với các bị cáo sau đây:

1/ **Lường Văn S**; sinh năm: 1959; nơi ĐKNKTT: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Công chức xã; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 47-QĐ/UBKTHU ngày 09/12/2016 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy M; con ông: Lường Văn H1 và bà: Lường Thị H2 (đều đã chết); có vợ là Lường Thị G và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1992); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2/ **Sùng Phá D1**, tên gọi khác: Sùng Phá D2; sinh năm: 1962; nơi ĐKNKTT: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: cán bộ hưu trí; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam, tôn giáo: không; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 48-QĐ/UBKTHU ngày 09/12/2016 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy M; con ông: Sùng Khua D3 và bà: Và Thị M (đều đã chết); có vợ là Giàng Thị M và 06 con (con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3/ **Sùng A S**, tên gọi khác: Sùng Bả S; sinh năm: 1988; nơi ĐKNKTT:

Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Đảng phái đoàn thể: Không; con ông: Sùng Phá D1 (là bị cáo trong cùng vụ án) và bà: Giàng Thị M; có vợ là Giàng Thị S và 02 con (con lớn sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2016 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**\* Người bào chữa:**

- Cho bị cáo Lường Văn S: Luật sư Đỗ Văn Th - Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Cho bị cáo Sùng Phá D1, Sùng A S: Luật sư Trần Minh H- Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La. Có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lường Thị G. Sinh năm: 1962. Nơi ĐKNKTT: Bản H, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bà Giàng Thị M. Sinh năm: 1964. Nơi ĐKNKTT: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Chị Giàng Thị S. Sinh năm: 1989. Nơi ĐKNKTT: Bản P, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 14h05 ngày 01/12/2016, tại khu vực bản P, xã B, huyện M, tổ công tác công an huyện M đã phát hiện và bắt quả tang Lường Văn S, Sùng Phá D1, Sùng A S đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy và thu giữ vật chứng: 210 túi nilon bên trong có 42.255 viên nén màu hồng, màu xanh, các bị cáo khai là ma túy tổng hợp cùng một số giấy tờ, tài sản có liên quan. Cơ quan điều tra đã xác định 210 túi nilon bên trong có 42.255 viên nén màu hồng, màu xanh có trọng lượng 3.936,52 gam; kết quả giám định là loại chất Methamphetamine.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lường Văn S, Sùng Phá D1, Sùng A S khai nhận:

Ngày 15/3/2016, Lường Văn S đang ở nhà thì có một người phụ nữ gọi điện thoại cho S giới thiệu tên Minh ở huyện T, Sơn La đặt vấn đề hỏi mua ma túy, S nói không có. Ngày 15/10/2016, S đến bệnh viện Sơn La thăm người nhà ốm thì Minh tiếp tục gọi điện cho S. Khi biết S đang ở thành phố Sơn La thì Minh nói đến rủ S đi ăn cơm, S đồng ý. Khoảng 18h cùng ngày, Minh đến và rủ S đi ăn cơm tại một quán ăn (S không biết tên, đại chỉ) tại đây, Minh đặt vấn đề hỏi mua ma túy (hồng phiến) với số lượng lớn, S nói không có nhưng sẽ về tìm mua, nếu có sẽ thông báo sau. Ngày hôm sau, S về M gọi điện cho Sùng Phá D1 hỏi mua ma túy với số lượng lớn, D1 nói hiện không có ma túy nhưng D1 sẽ đi hỏi mua, khi nào có sẽ thông báo với S. Sau đó, Minh gọi điện cho S thông báo

đang ở xã L, M bảo S đến gặp tại chân dốc TC, bản H, xã L bàn thống nhất số lượng ma túy, giá cả và kiểm tra tiền. Khi S đến điểm hẹn thì thấy Minh đi cùng 02 người đàn ông không quen biết, Minh giới thiệu một người tên Minh (chồng của Minh) và 01 người lái xe (Minh không giới thiệu tên), Minh cho S xem 01 bọc tiền nói là 700 triệu đồng để mua 100 túi hồng phiến với giá 7.000đ/1 túi, S đồng ý và hẹn khi nào có ma túy sẽ thông tin cho Minh.

Ngày 20/11/2016, Sùng Phá D1 đang ở nhà thì có 02 người đàn ông dân tộc Mông đến, một người tự giới thiệu tên Sử ở bên Lào, còn người đi cùng nói nhà ở Điện Biên. Qua trao đổi, Sử nói có ma túy cần bán, có ai muốn mua ma túy thì giới thiệu cho Sử, D1 đồng ý, sau đó hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc. Ngày 25/11/2016, Minh gọi điện cho S đặt mua 200 túi hồng phiến giá 1,4 tỷ đồng, S gọi điện cho D1 thông báo khách muốn mua 200 túi hồng phiến với số tiền 1,4 tỷ đồng, rồi D1 gọi điện cho Sử đặt mua 200 túi hồng phiến, Sử nói sẽ bán cho D1 với giá 5,5 triệu đồng/1 túi, D1 đồng ý. Đến ngày 29/11/2016, S gọi điện cho D1 mang ma túy đến rồi D1 gọi điện cho Sử. Khoảng 20h cùng ngày, Sử đi cùng người đàn ông lần trước đến nhà D1 nói đã mang ma túy đến và đang cất trong rừng khi nào cần thì gọi cho Sử. Trao đổi xong, Sử và người đàn ông bỏ đi. Ngày 30/11/2016, S gọi điện cho D1, sau khi biết D1 đã có ma túy, S gọi điện thông báo với Minh đã có ma túy, S và Minh thống nhất ngày hôm sau gặp nhau ở bản N, xã L. Khoảng 06h30 ngày 01/12/2016, S gọi điện bảo D1 xuống ngã ba P, bản B, xã M để cùng nhau đi gặp khách mua ma túy. D1 điều khiển xe máy đến gặp S rồi cùng nhau đến bản N, xã L. Tại đây, S và D1 gặp vợ chồng Minh cùng người lái xe. Khi gặp nhau, hai bên thống nhất chồng Minh sẽ đi kiểm tra hàng cùng với D1 và S tại lán nương nhà D1 thuộc khu vực bản P, xã B, huyện M đồng thời thống nhất địa điểm giao nhận ma túy tại ngã ba bản P. Thống nhất xong, D1 đi xe máy đến lán nương trước còn S chờ chồng Minh đi sau. Khi gần đến lán nương, S gặp Sùng A S (con trai D1) do không biết đường nên S nhờ S dẫn đường vào lán nương. Khi gặp nhau, D1 và chồng Minh thỏa thuận thống nhất giá mua bán 200 túi hồng phiến là 6,5 triệu đồng/1 túi, chồng Minh hứa sẽ trả công cho S là 500.000đ/ 1 túi, lúc đó S có mặt ở đó nghe và biết được sự việc. Sau khi thỏa thuận xong, D1 quay về nhà gọi điện cho Sử mang ma túy đến. Khoảng 10 phút sau, Sử mang 01 túi nilon đựng ma túy đến và bảo bên trong có 210 túi hồng phiến giao cho D1, D1 bảo cho mua nợ, khi nào bán được sẽ trả tiền sau, Sử nhất trí. Nhận ma túy xong, D1 mang túi ma túy quay lại lán nương giao cho chồng Minh và bảo đó là 210 túi hồng phiến bán với giá 1.371.500.000đ nhưng bớt cho vợ chồng Minh 500.000đ. Chồng Minh nhận túi ma túy cho vào bao tải dứa lấp đầy ngô phủ lên trên. Sau đó, D1 và chồng Minh ở lại lán nương chờ còn S và S đến chỗ người phụ nữ tên Minh lúc này đang chờ ở khu vực bản P, B để nhận tiền. Khi gặp nhau, S bảo S vào trong xe ô tô cùng Minh đếm tiền còn S đứng ngoài canh giới. S vào ô tô của Minh đếm đủ số tiền 1.371.000.000đ, Minh gọi điện cho D1 bảo mang ma túy xuống chỗ Minh, D1 lấy bao tải đựng ma túy cho vào giá để hàng xe máy rồi cùng chồng Minh đến điểm hẹn, người đàn ông tên Minh cầm bao tải đựng ma túy chuẩn bị cho lên xe ô tô thì bị tổ công tác phát hiện, lợi dụng sơ hở vợ chồng

Minh lái xe ô tô chất thoát còn S, D1, S bị bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Về nguồn gốc số ma túy thu giữ trong vụ án: Sùng Phá D1 khai mua của người đàn ông người Mông Lào tên là Sử không rõ họ tên, địa chỉ, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, điều tra làm rõ.

Đối với vợ chồng Minh ở huyện T, Sơn La, người lái xe và người đàn ông đi cùng Sử, các bị cáo đều không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, do vậy Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, mở rộng vụ án.

Tại phiên tòa ngày 09/6/2017, Lường Văn S khai ra tình tiết mới là người đặt mua ma túy tên là Cà Văn Minh, Lò Thị Loan, trú tại Bản H, thành phố S, tỉnh Sơn La, có nhà đằng sau cây đa cách đường cái khoảng 80m thuộc khu Bộ đội biên phòng có bố là người Thái, mẹ là người Kinh, có 01 con học khoảng lớp 6 hoặc 7, Minh từng đi tù còn Loan làm ruộng. Sau khi Cơ quan điều tra điều tra bổ sung, xác định tại bản H, phường T, thành phố S không có đối tượng nào có nhân thân, lý lịch như Lường Văn S khai, do vậy không có căn cứ để điều tra, mở rộng vụ án.

Do có hành vi nêu trên, tại cáo trạng số 813/VKS-P1 ngày 11/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lường Văn S, Sùng Phá D1, Sùng A S về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lường Văn S tù Chung thân.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p, s khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015: xử phạt bị cáo Sùng Phá D1 tù Chung thân.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015: xử phạt bị cáo Sùng A S 20 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Luật sư Đỗ Văn Th bào chữa cho bị cáo Lường Văn S: nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La về tội danh, điều luật áp dụng. Bị cáo thành khẩn khai báo; có nhân thân tốt, đã từng phục vụ trong quân đội và trong quá trình công tác được tặng nhiều bằng khen, giấy khen; trong gia đình có hai anh trai được tặng thưởng Huân huy chương nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo tù có thời hạn và miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) cho bị cáo.

Ý kiến của Luật sư Trần Minh H bào chữa cho bị cáo Sùng Phá D1, Sùng A S: nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số; sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức pháp luật hạn chế, sau khi bị bắt thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo Sùng Phá D1 có bố đẻ là Sùng Khua D3 được tặng thưởng nhiều Bằng khen, giấy khen và có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác; bị cáo Sùng A S có bố đẻ có công với nhà nước nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đầy đủ các tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo Sùng Phá D1 20 năm tù, bị cáo Sùng A S 15 đến 16 năm tù, mở lượng khoan hồng cho các bị cáo sớm hoàn lương và trở thành người có ích cho xã hội, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Các bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lường Văn S, Sùng Phá D1, Sùng A S đều là người có nhận thức, biết được chất ma túy bị nhà nước nghiêm cấm nhưng vì hám lợi vẫn cố ý cùng nhau thực hiện hành vi mua bán 210 túi có trọng lượng 3.936,52 gam loại chất Methamphetamine. Khi đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì bị kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang tại khu vực bản P, xã B, huyện M, tỉnh Sơn La.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 14 giờ 15 phút ngày 01/12/2016 đối với Sùng Phá D1, Sùng A S, Lường Văn S cùng vật chứng đã thu giữ 210 túi nilon bên trong chứa 42.255 viên nén màu hồng, màu xanh có trọng lượng 3.936,52 gam. Tại kết luận giám định số 56/KLMT ngày 17/01/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận: trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 3.936,52 gam là loại chất Methamphetamine.

- Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ.

- Các nhân chứng có mặt chứng kiến sự việc có lời khai xác nhận phù hợp với diễn biến vụ án.

Với các căn cứ chứng minh trên đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lường Văn S, Sùng Phá D1, Sùng A S đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán 3.936,52 gam loại chất Methamphetamine, vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 300 gam trở lên*” quy định tại điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù

hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Lương Văn S là người khởi xướng, trao đổi với bị cáo Sùng Phá D1 trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Sùng Phá D1 tiếp nhận ý chí của bị cáo S và chủ động, tích cực trong việc tìm mua ma túy rồi cùng vận chuyển ma túy đi bán với bị cáo S. Do vậy, vai trò của bị cáo S và D1 trong vụ án này là ngang nhau. Đối với bị cáo Sùng A S phạm tội thụ động, xuất phát từ mối quan hệ bố con, không được biết trước, không được trao đổi bàn bạc trong việc giao dịch mua bán ma túy với bị cáo S và D1; mặt khác, tại phiên tòa bị cáo khai vừa lên xe ô tô đã bị khóa chặt cửa xe, không được đem tiền mua bán ma túy mà chỉ được nghe nói lại, do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, thứ yếu nên khi lượng hình cần áp dụng Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Sùng A S, mở lượng khoan hồng cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn chung, là hành vi tiếp tay cho tội phạm, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và tội phạm. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cần xem xét: Sau khi bị bắt, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, đều là lao động chính nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lương Văn S, Sùng Phá D1 đã có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác được Nhà nước tặng thưởng Bằng khen, Kỷ niệm chương nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do Sùng A S là con đẻ của Sùng Phá D1 (người có công với cách mạng) nên Sùng A S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự, song xét thấy các bị cáo hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án:

- Đối với 3.703,42 gam loại chất Methamphetamine còn lại sau khi đã lấy mẫu giám định, xét đây là loại hàng Nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Sùng Phá D1 và Lương Văn S, có căn cứ xác định là phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Lenovo thu giữ của Sùng A S khi bắt quả tang, xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với chiếc xe máy Honda Wave RSX có BKS 26B1-56703 thu giữ của bị cáo Lương Văn S. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy trên là tài sản chung của gia đình bị cáo S, bị cáo đã sử dụng làm phương tiện phạm tội lẽ ra cần tịch thu sung nhưng xét thấy đây là tài sản chung có giá trị duy nhất, phục vụ cuộc sống gia đình, đồng sở hữu là bà Lương Thị G (vợ bị cáo Lương Văn S) không biết không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bà Lương Thị G có ý kiến xin lại chiếc xe máy trên là có căn cứ cần chấp nhận.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 26C1-114.13 thu giữ khi bắt quả tang Sùng A S. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy nói trên thuộc sở hữu chung của vợ chồng bị cáo S. Việc bị cáo sử dụng xe máy thực hiện hành vi phạm tội, vợ bị cáo không biết. Xét thấy, đây là tài sản chung có giá trị duy nhất trong gia đình bị cáo Sùng A S, đồng sở hữu là chị Giàng Thị S có ý kiến xin lại chiếc xe máy trên, cần chấp nhận.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave S có BKS 26B1-417.90 thu giữ tại nhà của Sùng Phá D1 có căn cứ xác định bị cáo D1 đã sử dụng chiếc xe máy này để thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Xét thấy, đây là tài sản chung có giá trị duy nhất, phục vụ cuộc sống gia đình, đồng sở hữu là bà Giàng Thị M (vợ bị cáo D1) không biết không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa, bà M có ý kiến xin lại chiếc xe máy là có căn cứ cần chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Lương Văn S, Sùng Phá D1 (Sùng Phá D2), Sùng A S (Sùng Bả S) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1/ - Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lương Văn S tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2016.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p, s khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Sùng Phá D1 (Sùng Phá D2) tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2016.

- Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Sùng A S (Sùng Bả S) 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/12/2016.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

2/ Về vật chứng vụ án: Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều

76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 3.703,42 gam loại chất Methamphetamine được niêm phong trong 01 chiếc hộp vật chứng được dán bằng giấy trắng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA Model 112, vỏ màu trắng, đen 2 IMEI có 04 số cuối 498/3; 499/1 kèm 01 sim trong máy (của bị cáo Lường Văn S).

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone Model X6319, vỏ màu xanh, đen 2 IMEI có 04 số cuối 5998; 6004 kèm 01 sim trong máy (của bị cáo Sùng Phá D1).

- Trả cho bà Lường Thị G: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda loại xe Wave RSX, vỏ màu đỏ, đen có BKS 26B1-567.03, xe có số máy 5206285, số khung 719415, xe không hoạt động được, không có gương, chìa khóa.

- Trả cho chị Giàng Thị S: 01 chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda loại AIRBLADE, vỏ màu đen có BKS 26C1-114.13, xe có số máy 1324717, số khung 437698, xe không hoạt động được, không có gương, chìa khóa.

- Trả cho bà Giàng Thị M: 01 chiếc mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda loại xe Wave S, vỏ màu đỏ, đen có BKS 26B1-417.90, xe có số máy 4195694, số khung 400122, xe không hoạt động được, có gương chiếu hậu, không có hình dương, yếm xe bên phải bị vỡ, có nhiều vết xước, đầu vỏ yên xe bị rách, hộp xích buộc dây chun, nắp nhựa hộp xích không có.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Lenovo, vỏ màu đen 2 IMEI có 04 số cuối 3198; 3206 kèm 01 sim trong máy của bị cáo Sùng A S (Sùng Bả S).

3/ Án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Phòng PC47-Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam- Công an tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; NLQ; Luật sư;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- UBKT huyện ủy M;
- Phòng NVKT-THA;
- Lưu: HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hoàng Thị Bích Hồng**